

Điều khoản sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn (“Bảo hiểm nhân thọ có thời hạn”)

(Kèm theo Công văn số TC/TCNH ngày tháng năm 2002 của Bộ Tài Chính)

Điều 1: Định nghĩa

- 1.1. **Công ty:** Công ty có nghĩa là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Manulife (Việt Nam). Công ty có các quyền hạn và nghĩa vụ được nêu trong các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.2. **Bên mua bảo hiểm:** Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm là người hoặc tổ chức được ghi tên Bên mua bảo hiểm trong Trang Hợp đồng. Bên mua bảo hiểm sẽ có tất cả các quyền và hưởng các lợi ích được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm và bị ràng buộc bởi các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.3. **Người được bảo hiểm:** Người được bảo hiểm là người mà tính mạng của người đó là đối tượng của Hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm có thể nhưng không nhất thiết là Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải cư trú tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào lúc được cấp Hợp đồng bảo hiểm. Tuổi cấp Hợp đồng bảo hiểm của Người được bảo hiểm là từ 0 (không) Tuổi đến 60 (sáu mươi) Tuổi.
- 1.4. **Tuổi:** Tuổi có nghĩa là tuổi vào ngày sinh nhật vừa qua của Người được bảo hiểm.
- 1.5. **Năm Hợp đồng và Ngày kỷ niệm Hợp đồng:** Tháng, Năm Hợp đồng và Ngày kỷ niệm Hợp đồng, bao gồm cả ngày đáo hạn của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng (là ngày Hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, tính theo ngày ký Đơn yêu cầu bảo hiểm và được Công ty chấp thuận, trừ khi có sự thỏa thuận khác giữa Công ty và Bên mua bảo hiểm) ghi trong Trang Hợp đồng. Đơn yêu cầu bảo hiểm hợp lệ phải được Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm ký.

Ngày đáo hạn, như được nêu tại Trang Hợp đồng, có nghĩa là ngày kết thúc Hợp đồng bảo hiểm.

- 1.6. **Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm:** nghĩa là thời hạn tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng đến ngày đáo hạn của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2: Hợp đồng bảo hiểm

Đơn yêu cầu bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm bao gồm tất cả các đơn từ, bản kê khai và bản trả lời được cung cấp làm bằng chứng về khả năng có thể bảo hiểm do Công ty quy định. Đơn yêu cầu bảo hiểm, Điều khoản bảo hiểm này và các điều khoản bảo hiểm bổ trợ, Hợp đồng bảo hiểm và bất kỳ chấp thuận nào của Công ty cùng với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm sẽ tạo thành một hợp đồng hoàn chỉnh. Bất kỳ chấp thuận nào sau này của Công ty cùng với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm sẽ được xem là một phần các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị thay đổi hoặc bị sửa đổi thì những thay đổi hoặc sửa đổi đó phải được viết thành văn bản và phải được Tổng giám đốc hoặc một Phó Tổng giám đốc của Công ty ký với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm.

Điều 3: Quyền lợi bảo hiểm

a. Quyền lợi khi tử vong

Công ty sẽ thanh toán Quyền lợi khi tử vong tùy thuộc vào các điều khoản khác của Hợp đồng bảo hiểm bao gồm, nhưng không giới hạn, các giới hạn và loại trừ của Quyền lợi khi tử vong:

- i) Số tiền bảo hiểm được quy định ở Trang Hợp đồng hoặc được chấp thuận sau này trong Hợp đồng bảo hiểm; cộng với
- ii) Tất cả các quyền lợi phải trả theo các Điều khoản bảo hiểm bổ trợ của Hợp đồng bảo hiểm; trừ
- iii) Tất cả các khoản phí bảo hiểm chưa đóng.

b. Giới hạn Quyền lợi khi tử vong

Đối với trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em, Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong sẽ giảm theo

tỷ lệ phần trăm của số tiền bảo hiểm (không bao gồm quyền lợi của các điều khoản bảo hiểm bổ trợ) như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong	Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong
Dưới 1 tuổi	20% của số tiền bảo hiểm
Dưới 2 tuổi	40% của số tiền bảo hiểm
Dưới 3 tuổi	60% của số tiền bảo hiểm
Dưới 4 tuổi	80% của số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	100% của số tiền bảo hiểm

C. Loại trừ đối với Quyền lợi khi tử vong

Công ty sẽ không thanh toán Quyền lợi khi tử vong nếu tử vong xảy ra do kết quả trực tiếp hay gián tiếp của một trong các nguyên nhân sau:

- i) Phạm tội hoặc có tình phạm tội hình sự;
- ii) Bất kỳ sự tử vong nào do liên quan đến Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) và tình trạng hoặc bệnh tật nào liên quan đến AIDS (ARC), hoặc nhiễm vi rút (virus) gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV);

Công ty sẽ hoàn lại 100% số phí bảo hiểm, không có lãi, sau khi khấu trừ các chi phí và phí tổn phát sinh hợp lý.

Điều 4: Từ chối tham gia bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có thể hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, nếu có yêu cầu bằng văn bản gửi tới Công ty trong vòng 14 (mười bốn) ngày sau khi Bên mua bảo hiểm nhận được Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp này, Công ty sẽ hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng trừ đi các khoản chi phí y tế Công ty đã trả trong việc đánh giá rủi ro theo Hợp đồng bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải hoàn lại các hoá đơn thu phí bảo hiểm cho Công ty, nếu không, Công ty sẽ không hoàn trả lại bất cứ một khoản tiền nào.

Điều 5: Đóng phí bảo hiểm và Gia hạn đóng phí bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng các khoản phí bảo hiểm trong thời gian Người được bảo

hiểm còn sống theo “Kế hoạch đóng phí bảo hiểm” trong Trang Hợp đồng của Hợp đồng bảo hiểm hoặc được Công ty chấp thuận sau này trong Hợp đồng bảo hiểm.

Sau khi đóng phí bảo hiểm lần đầu, việc không đóng cho Công ty hoặc cho đại lý của Công ty phí bảo hiểm tiếp theo vào hoặc trước ngày đến kỳ đóng phí sẽ bị xem là không đóng phí bảo hiểm.

Thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày đến kỳ đóng phí bảo hiểm. Trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm vẫn có hiệu lực.

Nếu phí bảo hiểm đến hạn vẫn không được đóng đủ khi hết thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực và chấm dứt.

Các quyền lợi trong Hợp đồng bảo hiểm dựa trên các khoản phí bảo hiểm đã đóng hàng năm. Tuy nhiên, khi có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phát sinh do tử vong của Người được bảo hiểm, Công ty sẽ không yêu cầu Bên mua bảo hiểm đóng những khoản phí tiếp theo của năm đó chưa đến hạn phải trả theo định kỳ nửa năm, hàng quý hoặc hàng tháng.

Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm vào hoặc trước ngày đến kỳ đóng phí ghi trong Trang Hợp đồng của Hợp đồng bảo hiểm hoặc được Công ty chấp thuận sau này trong Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 6: Loại tiền thanh toán

Tất cả các khoản tiền phải đóng cho Công ty hoặc do Công ty trả sẽ được thanh toán bằng đồng Việt Nam.

Điều 7: Cư trú, di lại và nghề nghiệp

Vào ngày được cấp Hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải cư trú tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, Hợp đồng bảo hiểm không bị ràng buộc bởi các hạn chế về cư trú, di lại và nghề nghiệp.

Điều 8: Người thụ hưởng

Người thụ hưởng là người được Bên mua bảo hiểm chỉ định trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc do Bên mua bảo hiểm công bố bằng văn bản, được

hưởng các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, nếu và khi Công ty trả Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong.

Nếu có từ hai Người thụ hưởng trở lên thì Quyền lợi bảo hiểm do tử vong sẽ được chia đều cho tất cả mọi Người thụ hưởng, trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc trong văn bản chỉ định về Người thụ hưởng có hiệu lực theo Hợp đồng bảo hiểm.

Trong thời gian Người được bảo hiểm còn sống, Bên mua bảo hiểm có thể thay đổi Người thụ hưởng bằng văn bản với sự chấp thuận của Công ty mà không cần có sự đồng ý của bất kỳ Người thụ hưởng nào.

Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về tính hiệu lực của sự chỉ định hoặc việc công bố Người thụ hưởng.

Điều 9: Tuổi và giới tính

Nếu khai báo sai Tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm trong Đơn yêu cầu bảo hiểm thì các khoản tiền phải trả và các quyền lợi bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm sẽ được tính trên cơ sở khoản phí bảo hiểm phải đóng theo Tuổi và/hoặc giới tính thực. Nếu khoản phí bảo hiểm đã đóng nhiều hơn khoản phí bảo hiểm phải đóng, Công ty sẽ hoàn trả lại khoản phí thừa không có lãi. Nếu khoản phí bảo hiểm đã đóng ít hơn khoản phí bảo hiểm phải đóng, Công ty sẽ điều chỉnh giảm số tiền bảo hiểm xuống phù hợp với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

Nếu khai báo sai về Tuổi trong Đơn yêu cầu bảo hiểm, mà Tuổi thực không nằm trong nhóm tuổi có thể được bảo hiểm (như được quy định tại Điều 1.3), thì Công ty sẽ hoàn lại 100% số phí bảo hiểm, không có lãi, sau khi khấu trừ các chi phí và phí tổn phát sinh hợp lý.

Điều 10: Mặc nhiên thừa nhận Hợp đồng bảo hiểm

Công ty có quyền xem Hợp đồng bảo hiểm là vô hiệu nếu Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm không khai báo hoặc khai báo sai bất kỳ thông tin nào có tầm quan trọng đối với việc bảo hiểm trong các chứng từ y tế hoặc trong bất kỳ bản kê khai hoặc bản trả lời câu hỏi nào làm bằng chứng về khả năng có thể bảo hiểm, và Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm có liên

quan cũng không khai báo việc không khai báo hoặc khai báo sai nói trên.

Bất kể quy định trên, trừ trường hợp gian lận, Công ty vẫn thừa nhận hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm vì lý do không khai báo hoặc khai báo sai, sau khi Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực 2 (hai) năm kể từ ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm nếu Hợp đồng bảo hiểm duy trì liên tục, hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất (nếu có), trong thời gian Người được bảo hiểm còn sống.

Điều 11: Tự tử

Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tự tử trong thời gian 2 (hai) năm kể từ ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, cho dù Người được bảo hiểm có bị mất trí hay không, thì Công ty sẽ hoàn lại 100% số phí bảo hiểm, không có lãi, sau khi khấu trừ các chi phí và phí tổn phát sinh hợp lý.

Sau 2 (hai) năm kể từ ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, hạn chế về quyền lợi bảo hiểm nêu ở điều này sẽ không còn áp dụng.

Điều 12: Không tham gia chia lãi

Điều khoản này không quy định việc tham gia chia bất kỳ khoản lãi nào từ Công ty.

Điều 13: Giá trị hoàn lại và quyền lợi không bị tước đoạt

Hợp đồng bảo hiểm của điều khoản này không có Giá trị hoàn lại và Các quyền lợi không bị tước đoạt.

Điều 14: Khôi phục hiệu lực Hợp đồng

Sau khi Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực vì lý do không đóng phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí, Hợp đồng bảo hiểm có thể được khôi phục tùy theo sự xem xét của Công ty trong vòng 2 (hai) năm kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Việc khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm sẽ tùy thuộc vào việc Bên mua bảo hiểm đưa ra bằng chứng về khả năng có thể bảo hiểm được Công ty chấp thuận và thanh toán tất cả các khoản phí bảo hiểm quá hạn cùng với lãi suất ở mức và

theo cách thức do Công ty quyết định phù hợp với quy định về mức lãi suất tối đa do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 15: Chuyển nhượng

Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm khi Người được bảo hiểm còn sống và Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực.

Nếu Bên mua bảo hiểm chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm thì các quyền của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm sẽ tùy thuộc vào các điều khoản của việc chuyển nhượng.

Khi Bên mua bảo hiểm thực hiện việc chuyển nhượng hợp pháp tất cả các quyền của mình theo Hợp đồng bảo hiểm thì người được chuyển nhượng sẽ tiếp nhận các quyền đó của Bên mua bảo hiểm.

Công ty sẽ xem như không biết về việc chuyển nhượng trừ khi nhận được thông báo bằng văn bản về việc chuyển nhượng và văn bản chuyển nhượng gốc phải được nộp cho Công ty và được Công ty chấp thuận bằng văn bản. Công ty không chịu trách nhiệm về tính hiệu lực hay tính đầy đủ của bất kỳ việc chuyển nhượng nào. Sau khi chuyển nhượng, người được chuyển nhượng sẽ tiếp nhận các quyền và đặc quyền của Bên mua bảo hiểm.

Điều 16: Giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong

Quyền lợi khi tử vong sẽ được giải quyết theo các quy định của Hợp đồng bảo hiểm khi Công ty nhận được các bằng chứng về tử vong của Người được bảo hiểm. Ngoài ra, các bằng chứng sau phải được cung cấp cho Công ty:

- i) Hợp đồng bảo hiểm.
- ii) Hoàn chỉnh các mẫu đơn từ có liên quan do Công ty cung cấp.
- iii) Mọi quan hệ của người hoặc những người yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm.
- iv) Việc xảy ra sự kiện được bảo hiểm ghi ở Trang Hợp đồng.
- v) Tuổi của Người được bảo hiểm (trừ khi đã nộp cho Công ty bằng chứng phù hợp về Tuổi).

Thời hạn yêu cầu thanh toán các quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm là một năm hoặc một thời hạn khác theo quy định hiện hành của luật pháp kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm chứng minh được rằng Bên mua bảo hiểm không biết thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm thì thời hạn quy định nói trên được tính từ ngày Bên mua bảo hiểm biết việc xảy ra sự kiện bảo hiểm đó.

Công ty sẽ cố gắng giải quyết ngay tất cả các yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Nếu vì bất kỳ lý do gì mà yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm không được thanh toán sau 2 (hai) tháng kể từ ngày yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm thì Công ty sẽ trả một khoản lãi tương đương mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt sau khi đã giải quyết xong quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 17: Giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp

Hợp đồng bảo hiểm được điều chỉnh và giải thích theo luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu bất kỳ tranh chấp nào không được giải quyết thông qua thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án gần địa chỉ của Bên mua bảo hiểm nhất được ghi trong Đơn yêu cầu bảo hiểm, hoặc tại một tòa án do hai bên thống nhất lựa chọn.

Thời hiệu khởi kiện của Hợp đồng bảo hiểm là 3 (ba) năm hoặc một thời hạn khác theo quy định hiện hành của luật pháp, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Điều 18: Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt vào một trong những thời điểm sau, tùy trường hợp nào xảy ra sớm hơn:

- i) Khi Bên mua bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đến hạn sau thời gian gia hạn.
- ii) Ngày Người được bảo hiểm tử vong.
- iii) Ngày Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn.
- iv) Khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

